

ISSN - 2615 - 8973

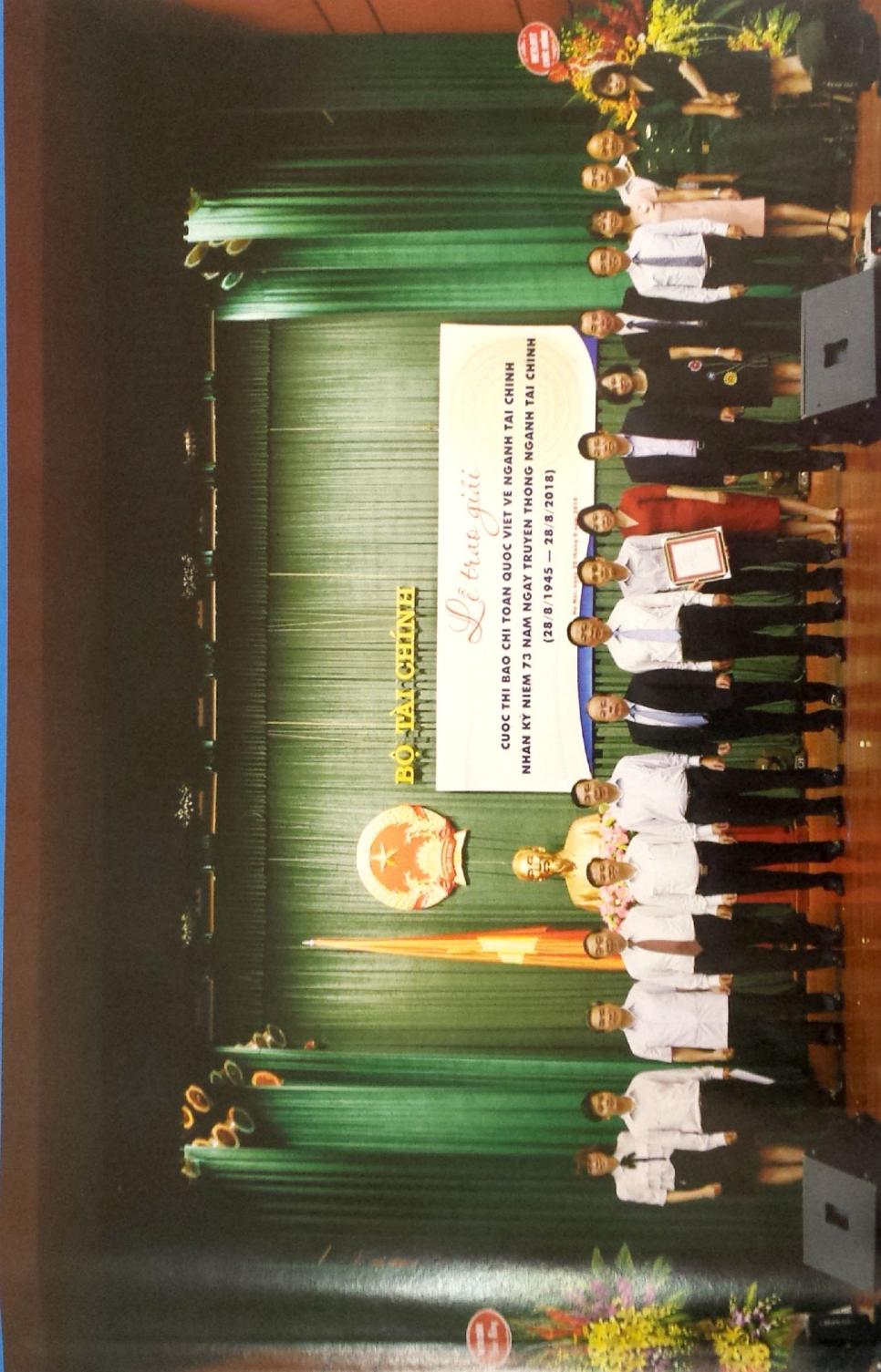
# Tài Chính



REVIEW OF FINANCE

Kỳ 2 - Tháng 08/2018 (687)

CƠ QUAN THÔNG TIN CỦA BỘ TÀI CHÍNH  
[www.tapchitaichinh.vn](http://www.tapchitaichinh.vn)



Lễ trao giải cuộc thi báo chí toàn quốc viết về ngành Tài chính  
nhân kỷ niệm 73 năm Ngày truyền thống ngành Tài chính (28/8/1945 - 28/8/2018)

## GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TÁC CÁC ĐƠN VỊ



NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH  
CHO NÔNG NGHIỆP THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 10-NQ/TW  
(KHÓA VI)



QUAN HỆ GIỮA NỢ NGÂN HÀNG VÀ HIỆU QUẢ  
QUẢN TRỊ CÁC DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT  
TRÊN HOSE VÀ HNX



Tr. 10

Tr. 6

Tr. 67

Tạp chí khoa học,  
chuyên về thông tin  
lý luận và nghiệp vụ  
kinh tế - tài chính

Tạp chí tiếng Anh, công bố  
các nghiên cứu khoa học về  
kinh tế - tài chính Việt Nam  
và quốc tế

Tạp chí điện tử,  
thông tin chuyên sâu  
về kinh tế - tài chính  
trong nước và quốc tế

THÔNG TIN  
Đặc san tuyên truyền,  
phổ biến công tác Đảng  
của Đảng bộ Bộ Tài chính

Đặc san phục vụ  
công tác thông tin  
đối ngoại của Bộ Tài chính

Hội nghị, hội thảo  
chuyên đề tuyên truyền về  
cơ chế, chính sách tài chính

**Tổng Biên tập:**

TS. PHẠM THU PHONG

(024) 3933.0033

**Phó Tổng Biên tập:**

ĐỖ VĂN HẢI

(024) 3933.0039

**Hội đồng Biên tập:**

GS., TS. NGUYỄN CÔNG NGHIỆP

GS., TSKH. TRƯƠNG MỘC LÂM

GS., TS. VŨ VĂN HÓA

GS., TS. ĐINH VĂN SƠN

GS., TS. TRẦN THỌ ĐẠT

GS., TS. PHẠM QUANG TRUNG

PGS., TS. ĐINH VĂN NHÃ

PGS., TS. TRẦN HOÀNG NGÂN

PGS., TS. NGUYỄN TRỌNG CƠ

PGS., TS. NGUYỄN THỊ MÙI

# MỤC LỤC

TẠP CHÍ TÀI CHÍNH Kỷ 2 - Tháng 08/2018 (687)

## Chúc mừng Quốc Khánh 2/9

### KINH TẾ - TÀI CHÍNH VĨ MÔ

- 3 Một số vấn đề về hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam ThS. Trần Sông Thương

- 6 Nâng cao hiệu quả đầu tư tài chính cho nông nghiệp theo Nghị quyết số 10-NQ/TW (khóa VI) TS. Hồ Thanh Thúy

- 10 Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị Chu Văn Thủy

- 13 Sửa đổi quy định về hóa đơn, chứng từ, chống thất thu thuế trong thời đại công nghệ số ThS. Đặng Thị Hân Ni

- 16 Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng với những thành công trong tiến trình hiện đại hóa

Vũ Mạnh Cường

### TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

- 19 Hiệu quả cho vay lại vốn ODA tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam: Thực trạng và giải pháp

ThS. Trần Thị Lưu Tâm

- 23 Tái cơ cấu tổ chức tín dụng nhìn từ hoạt động của các ngân hàng thương mại đang niêm yết

TS. Trần Thế Sao

- 27 Phát triển hoạt động Trung tâm Tài trợ thương mại của ngân hàng TS. Phan Thị Linh

- 31 Ảnh hưởng của vốn xã hội tới hoạt động cung ứng dịch vụ của các ngân hàng thương mại

ThS. Vũ Cẩm Nhung

### KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

- 35 Công nghệ Blockchain và những tác động đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán

ThS. Nguyễn Thanh Huyền

- 38 Bàn về kế toán sáng tạo trong hoạt động của doanh nghiệp ThS. Lê Thị Như Quỳnh

- 41 Vai trò của kiểm toán viên độc lập trong kiểm toán báo cáo tài chính

ThS. Nguyễn Thúy Hằng

- 44 Trao đổi về thái độ hoài nghi nghề nghiệp của kiểm toán viên ThS. Nguyễn Thị Hải Vân

- 47 Kế toán đầu tư tài chính, góp vốn tại các đơn vị hành chính sự nghiệp ThS. Đinh Thị Thùy Liên

- 50 Một số lưu ý về kế toán tài chính và kế toán quản trị doanh nghiệp ThS. Trần Thị Ngọc Hà

- 53 Mô hình kế toán quản trị chi phí tại Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An

ThS. Trần Thị Hương Trà

### TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

- 57 Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp

TS. Phạm Thị Vân Anh



- 61 **Thêm nhiều chính sách, giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển** ThS. Nguyễn Mạnh Hùng
- 64 **Thực hiện an sinh xã hội trong phát triển doanh nghiệp kinh tế quốc phòng ở Việt Nam** Nguyễn Quang Soái
- 67 **Quan hệ giữa nợ ngân hàng và hiệu quả quản trị các doanh nghiệp niêm yết trên HoSE và HNX** TS. Mai Bình Dương
- 70 **Đo lường tác động sử dụng thông tin chi phí tại các doanh nghiệp Việt Nam** ThS. Hoàng Huy Cường
- 73 **Sản xuất, chế biến, tiêu thụ rau quả theo chuỗi giá trị và một số gợi ý chính sách** Bùi Minh Chuyên, Hoàng Thanh Hạnh
- 77 **Thúc đẩy xuất khẩu mặt hàng mây, tre đan ở Việt Nam trong thời gian tới** ThS. Nguyễn Thị Mai Hương, ThS. Lê Thị Thương

#### TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

- 80 **Phát triển nền kinh tế xanh tại một số nước và gợi ý cho Việt Nam** TS. Nguyễn Ngọc Hà
- 84 **Kinh nghiệm quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông đường bộ theo hình thức PPP** NCS. ThS. Đỗ Văn Thuận, ThS. Nguyễn Thị Cẩm Vân

#### TÀI CHÍNH ĐỊA PHƯƠNG

- 87 **Quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ thuế thu nhập cá nhân tại TP. Hồ Chí Minh** ThS. Hoàng Thị Ngọc Nghiêm
- 90 **Vài nét về văn hóa doanh nghiệp trong doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Ninh Bình** ThS. Đinh Thị Thúy, ThS. Đinh Thị Kim Khánh, ThS. Phan Thị Hằng Nga

#### BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM - VÌ AN SINH XÃ HỘI

- 93 **Bước đột phá từ phát triển bảo hiểm y tế điện tử** P. Mai
- 94 **Quyết liệt kiểm soát chi trong khám chữa bệnh bảo hiểm y tế** T. Thảo
- 95 **ASSA: Cầu nối cho các tổ chức thành viên hợp tác và phát triển** Bình Minh
- 96 **Đến hết năm 2019, phấn đấu 100% học sinh, sinh viên tham gia Bảo hiểm y tế** Hà Phương

#### TÀI CHÍNH & ĐẦU TƯ

- 97 **Cục Hải quan Bình Dương: Tăng trưởng cao, hợp tác tốt** PV.
- 98 **7 giải pháp thu ngân sách và chống thất thu** PV.
- 99 **Hành trình phát triển của một định chế tài chính** PV.

**Tòa soạn:** Số 4, ngõ Hàng Chuối 1,

Phố Hàng Chuối, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933.0036

Email: tctc.banbientap@gmail.com

**Đại diện phía Nam:**

138 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3930.0434

**Quảng cáo & Phát hành:**

Điện thoại: (024) 3933.0034

**Tài khoản:** Tạp chí Tài chính

0011002409533 Ngân hàng TMCP

Ngoại thương Việt Nam CN Hoàn Kiếm

**Mã số thuế Tạp chí Tài chính:** 0100110736

**Giấy phép xuất bản:**

Số 1536/GP-BTTTT - ngày 23/9/2011

của Bộ Thông tin & Truyền thông

**Nơi in:** Công ty CP in Hà Nội

# THÚC ĐẨY XUẤT KHẨU MẶT HÀNG MÂY, TRE ĐAN Ở VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI

ThS. NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG - Đại học Lâm nghiệp, ThS. LÊ THỊ THƯƠNG - Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên \*

*Thống kê cho thấy, ở Việt Nam, có hơn một triệu người sống ở các gia đình có thu nhập từ sản xuất mây, tre. Việc trồng, khai thác, chế biến tre, mây góp phần vào giá trị xuất khẩu của Việt Nam, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống cho một bộ phận người dân vùng nông thôn và dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, việc trồng, khai thác, chế biến, tiêu thụ sản phẩm từ mây, tre ở nước ta chưa phát huy hết tiềm năng sẵn có do thiếu vùng nguyên liệu, khai thác quá mức đến cạn kiệt. Bài viết làm rõ thực trạng xuất khẩu mây, tre đan Việt Nam, từ đó đưa ra những giải pháp nhằm phát triển hoạt động sản xuất mây tre đan, thúc đẩy xuất khẩu trong thời gian tới.*

Từ khóa: Mây, tre, phát triển kinh tế - xã hội, giá trị xuất khẩu mây, tre đan

## ENHANCING THE EXPORT OF BAMBOO AND RATTAN PRODUCTS FOR THE COMING PERIOD

*According to figures, in Vietnam, there are more than one million of civilians dependent on the income of bamboo and rattan production. The cultivation, exploitation and processing of bamboo and rattan are contributing positively to the net export of Vietnam, creating jobs, fighting against poverty and hunger, improving the lives of agricultural and ethnic minorities. However, the potential of bamboo and rattan production in Vietnam has not been exploited to the expectation due to the lack of material production areas and over exploitation. This paper clarifies the real practice of bamboo and rattan products export of Vietnam and then recommends measures to improve the operation of this export sector for the coming period.*

**Keywords:** Rattan, bamboo, social and economic development, export value of bamboo and rattan products

Ngày nhận bài: 21/7/2018

Ngày hoàn thiện biên tập: 13/8/2018

Ngày duyệt đăng: 17/8/2018

## Điều kiện phát triển mặt hàng mây, tre ở Việt Nam

Mây tre đan là một trong những mặt hàng thủ công mỹ nghệ đang được khôi phục và phát triển mạnh ở Việt Nam. Thống kê sơ bộ, hiện nay, cả nước

có trên 1.000 làng nghề chế biến mây, tre đan, chiếm 24% tổng số các làng nghề trong cả nước và hơn 1.000 doanh nghiệp quan tâm đến sản xuất và xuất khẩu thủ công mỹ nghệ, trong đó có mặt hàng mây, tre đan, thu hút 342 nghìn lao động. Hằng năm, nước ta tiêu thụ từ 400 đến 500 triệu cây tre nứa và từ 600 đến 800 tấn song, mây nguyên liệu để sản xuất các mặt hàng tiêu dùng và phục vụ xuất khẩu.

### Nguồn nguyên liệu

Hiện nay, diện tích tre, nứa toàn quốc là gần 1,4 triệu ha (chiếm 10,5% diện tích rừng toàn quốc). Về tài nguyên song mây, ước tính nước ta có khoảng 30 loài song mây (trong đó có 10 loại có giá trị kinh tế cao) thuộc sáu chi, phần lớn diện tích được phân bố và khai thác ở các tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa, Gia Lai, Đắc Lắc, Đồng Nai, Quảng Nam... Tre nứa, song mây có biên độ sinh thái rộng, có khả năng gây trồng tập trung ở các vùng đồi núi, đồng thời có thể gây trồng phân tán. Tuy nhiên, diện tích có thể khai thác bền vững được là 354.000 ha với tổng trữ lượng khoảng 4,3 tỷ cây và sản lượng có thể khai thác hằng năm đạt 432 triệu cây. Ngoài ra, ở Thanh Hoá và Nghệ An đã thiết lập được 80.000 ha nguyên liệu tre luồng chuyên canh, phục vụ cho tiêu thụ chế biến ở địa phương và các tỉnh lân cận.

Hiệu quả kinh tế của việc trồng nguyên liệu mây và tre khá cao khiến phong trào trồng mây diễn ra rộng khắp trên cả nước. Theo nghiên cứu của nhóm tác giả, hiệu quả trồng luồng ở Thanh Hoá hiện nay là 4 triệu đồng/ha/năm, cao hơn rất nhiều so với những cây lâm nghiệp khác như bạch đàn và

keo. Đối với trồng mây nguyên liệu ở Quảng Nam, hiệu quả kinh tế đạt từ 16-28 triệu đồng/ha/năm ở quy mô hộ gia đình và 19 triệu đồng/ha/năm với quy mô doanh nghiệp. Thực tế cho thấy, Việt Nam đang thiếu chiến lược phát triển bền vững cho các ngành nghề thủ công mỹ nghệ nói chung, nhất là mặt hàng mây, tre. Nhiều chính sách phát triển các mặt hàng mây, tre, nứa, đề ra lại có phần thiếu thực tế, không sát với sản xuất. Không ít doanh nghiệp, cơ sở sản xuất do không tìm được nguồn cung nguyên liệu ổn định đã phải dừng một số đơn hàng xuất khẩu có giá trị lớn, không chỉ làm giảm doanh thu, thu nhập người động mà còn làm giảm doanh thu, thu nhập người lao động, giảm lòng tin, uy tín của doanh nghiệp đối với các nhà nhập khẩu nước ngoài.

Theo các chuyên gia kinh tế, để các mặt hàng mây, tre đan Việt Nam vươn ra quốc tế, rất cần có một nguồn nguyên liệu đầu vào ổn định. Trong khi đó, nguồn cung nguyên liệu đầu vào cho ngành mây tre đan xuất khẩu trong những năm qua chủ yếu thông qua con đường tiểu ngạch, quy mô nhỏ, sản lượng thấp, thường xuyên biến động... dẫn đến thời gian giao hàng, số lượng lân chất lượng nguyên liệu ảnh hưởng rất lớn đến việc triển khai các đơn hàng lớn. Tình trạng lúc thiếu, lúc thừa nguồn cung chính là một trong những yếu tố quan trọng cản trở sự phát triển của ngành mây, tre đan...

### Các nhóm sản phẩm

Các sản phẩm làm từ tre nứa, song mây có thể chia thành 2 nhóm chủ yếu: nhóm các sản phẩm truyền thống (hang thủ công mỹ nghệ, mành, chiếu...) và nhóm các sản phẩm mới (tre ép làm ván sàn và làm đồ nội thất, tre ép làm tấm lót đường, tre ép phục vụ xây dựng...). Trong số những sản phẩm làm

tù tre thì nhóm hàng thủ công mỹ nghệ và nhóm các sản phẩm mới, nhất là các sản phẩm chế biến công nghiệp (tre ép khối làm ván sàn, làm đồ nội thất, làm tấm lót đường,...) có giá trị gia tăng rất cao và có nhiều lợi thế cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại làm từ gỗ hoặc các vật liệu tự nhiên khác do những lợi thế về khả năng sinh trưởng nhanh, tính tận dụng nguyên liệu và ít ảnh hưởng đến môi trường trong khai thác, chế biến... của loại nguyên liệu này.

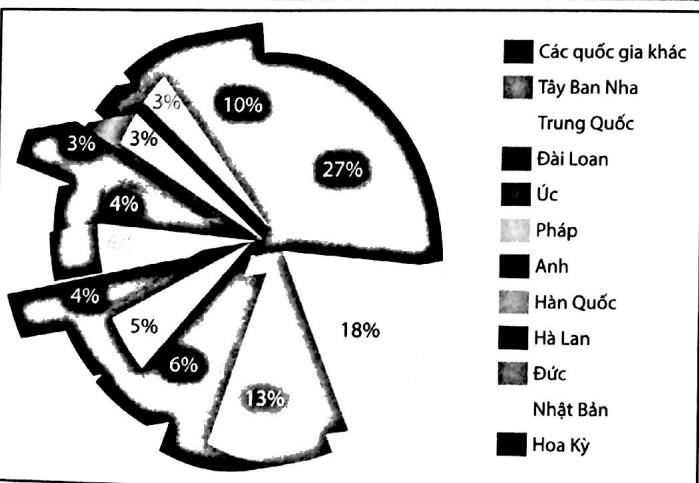
Sản xuất các sản phẩm mới có quy mô công nghiệp từ tre đã được khởi động ở Việt Nam từ 15 năm trở lại đây. Hiện tại, đã có khoảng 350 doanh nghiệp, cơ sở chế biến các loại sản phẩm mới từ tre như ván sàn tre, tre ép khối, cốt pha tre, ván tre ép... Bên cạnh đó, do phát triển tự phát, phân tán, mẫu mã đơn điệu, công nghệ lạc hậu, nhiều làng nghề truyền thống của Việt Nam không thể cạnh tranh với thị trường quốc tế. Ngoài ra, tình trạng thiếu vốn, thị trường bấp bênh, nguồn nguyên liệu không ổn định... đẩy không ít làng nghề rời vào cảnh sản xuất cầm chừng. Phát triển bản địa, công nghệ lạc hậu và các sản phẩm thiết kế còn nghèo nàn đã khiến các nhà sản xuất mây tre đan Việt Nam gặp khó khăn để cạnh tranh với sản phẩm của các đối thủ nước ngoài trên thị trường quốc tế.

### Thị trường tiêu thụ

Thị trường các sản phẩm chế biến từ tre, luồng thế giới được đánh giá là khá lớn và có tính cạnh tranh cao. Tại Việt Nam, các sản phẩm chế biến từ mây, tre vẫn chủ yếu là các sản phẩm truyền thống, với tỷ lệ lớn là để xuất khẩu (với kim ngạch khoảng 180-200 triệu USD/năm). Tiêu dùng nội địa (đặc biệt đối với các loại ván sàn tre, đồ nội thất, nội thất phòng ăn từ tre chế biến công nghiệp) đang bắt đầu phát triển trong một vài năm gần đây nhưng giá trị vẫn còn hạn chế.

Mặc dù, so với nhiều mặt hàng tỷ USD khác, kim ngạch xuất khẩu mây tre đan còn khá "khiêm tốn", song nếu có chiến lược phát triển bài bản, đầu tư đúng mức, xuất khẩu mây tre đan có nhiều khả năng bứt phá ngoạn mục trong tương lai. Đến nay, các sản phẩm mây tre đan đã xuất khẩu tới hơn 130 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới với kim ngạch xuất khẩu trung bình đạt trên 200 triệu USD/năm, chiếm khoảng 14% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ trong cả nước. Thống kê mới nhất của Tổng cục Hải quan cho thấy: Trong năm 2017, tổng giá trị xuất khẩu nhóm hàng mây, tre, cói đạt trên 268

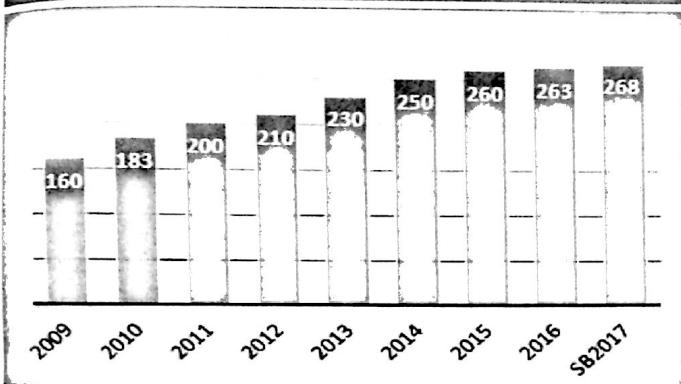
HÌNH 1: THỊ PHẦN CÁC THỊ TRƯỜNG MÂY, TRE ĐAN  
Ở VIỆT NAM



Nguồn: Tổng cục Hải quan



**HÌNH 2: KIM NGẠCH XUẤT KHẨU MÂY TRE ĐAN CỦA VIỆT NAM**  
(Triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

triệu USD. Từ đầu năm đến nay, xuất khẩu mây, tre, cói sang các thị trường xuất khẩu chính của nhóm hàng này là Hoa Kỳ, Nhật Bản... ghi nhận sự tăng trưởng khá quan. Theo thống kê mới đây của Trademap (hệ thống cơ sở dữ liệu cập nhật về tình hình thương mại của các nước), thị phần mây tre đan Việt Nam trên thị trường thế giới mới đạt khoảng 3,37%. Trong đó, thị trường chủ đạo nhập khẩu mây tre lá của Việt Nam là Hoa Kỳ, chiếm đến 20% và Nhật Bản chiếm 16% tổng giá trị xuất khẩu. Bên cạnh đó, các thị trường mới nổi như Trung Quốc, Tây Ban Nha, Nga, Australia... đang có xu hướng nhập khẩu nhiều mặt hàng mây tre đan từ Việt Nam. Cụ thể, những năm gần đây, Trung Quốc và Tây Ban Nha đã gia tăng nhập khẩu các mặt hàng mây tre đan Việt Nam với mức tăng lần lượt là 40%/năm và 13,2%/năm.

### Giải pháp phát triển mặt hàng mây tre đan thời gian tới

Theo đánh giá của các chuyên gia kinh tế, cơ hội phát triển mặt hàng mây tre đan của Việt Nam khá rộng mở. Khả năng nâng con số 3,37% thị phần thế giới lên khoảng 8-10% trong tương lai hoàn toàn khả thi. Cùng với đó, kim ngạch xuất khẩu của mặt hàng này có thể đạt tới 1 tỷ USD so với chỉ vài trăm triệu USD/năm như hiện tại. Trong thời gian tới, để thúc đẩy mặt hàng mây tre đan phát triển nói chung và đẩy mạnh xuất khẩu, đóng góp nhiều hơn cho nền kinh tế nói riêng, cần chú trọng một số giải pháp sau:

Một là, xây dựng và ban hành chính sách hỗ trợ đầu tư để khuyến khích phát triển mặt hàng mây tre đan, trong đó chú trọng dành những hỗ trợ tài chính để các doanh nghiệp và các hộ gia đình mở rộng đầu tư. Nhà nước cần tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp mây tre đan tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, ngân hàng, hỗ trợ

doanh nghiệp phát triển thị trường, liên kết doanh nghiệp tạo sức cạnh tranh. Hoàn thành giao đất, giao rừng cho các thành phần kinh tế, các tổ chức xã hội, hộ gia đình để bảo đảm quyền sở hữu thực sự nhằm bảo tồn và phát triển vùng nguyên liệu... Cần tăng cường hợp tác chặt chẽ hơn giữa các doanh nghiệp thủ công, người dân địa phương và các cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch nguyên liệu, thành lập trung tâm bảo tồn nguyên liệu và thiết kế sản phẩm.

Hai là, hỗ trợ các hiệp hội chuyên ngành, hỗ trợ mạng lưới mây tre đan Việt Nam nhằm tăng cường khả năng cung cấp thông tin về thị trường, tăng tính liên kết để giải quyết các vấn đề liên quan đến lao động, thị trường... Về phía doanh nghiệp, chủ động xây dựng chiến lược mở rộng thị trường, kiểm tìm thị trường mới thay các thị trường truyền thống như Hoa Kỳ, Nhật Bản...; Chủ động tìm hiểu từng thị trường kỹ hơn để đa dạng hóa sản phẩm phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.

Ba là, khuyến khích các nhà đầu tư, cơ sở sản xuất kinh doanh ngành hàng mây tre đan tư nghiên cứu ứng dụng và sử dụng khoa học, công nghệ tiên tiến trong việc chọn, tạo giống, bảo quản, chế biến các sản phẩm mây tre; Tăng cường liên doanh, liên kết giữa nhà quản lý, khoa học, doanh nghiệp và người trồng mây, tre.

Bốn là, xây dựng chính sách phát triển như quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến, quy hoạch xác định vùng nguyên liệu tự nhiên, cung cấp cho các vùng làng nghề thủ công truyền thống. Cần nghiên cứu, tuyển chọn, lai tạo phát triển các loài mây tre có giá trị kinh tế cao, quy hoạch phát triển thành vùng nguyên liệu tập trung quy mô lớn.

Năm là, chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực sản xuất mặt hàng mây, tre; Nghiên cứu mở thêm các cơ sở dạy nghề về mây, tre, đan...

### Tài liệu tham khảo:

- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2015), Báo cáo hỗ trợ hiệp hội thực hiện nghiên cứu phát triển ngành chế biến gỗ;
- Tổng cục Hải quan (2011-2017), Niên giám thống kê hải quan về hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam các năm 2011-2017, NXB Tài chính, Hà Nội;
- Nguyễn Khắc Hoàn, Hoàng La Phương Hiền, Lê Thị Phương Thảo (2017), Thực trạng phát triển mây tre đan tại hợp tác xã mây tre đan Bao La, huyện Quảng Điền, Thừa Thiên Huế, Tạp chí Khoa học tập 126, số 5A, Đại học Huế;
- Uyển Như (2017), Xuất khẩu mây tre đan: Chất vật nguồn nguyên liệu, Báo Hải quan;
- Giải pháp phát triển ngành mây tre đan xuất khẩu (2017), Báo Tin tức.